TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20-6-2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Trung Kiên.

Bà Nguyễn Bé Bảy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hà Thùy T, sinh năm 1999 (xin vắng mặt).
Nơi cư trú: Ấp 4, xã N, huyện M, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Anh Võ Hải V, sinh năm 1989 (xin vắng mặt).
Nơi cư trú: Ấp A, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 28-3-2019, nguyên đơn là chị Hà Thùy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thùy T và anh Võ Hải V tự nguyện chung sống với nhau năm 2017, không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày và trong việc tính toán làm ăn; anh V không quan tâm đến cuộc sống gia đình và thường xuyên đánh đập chị T. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về nuôi con chung: Có 01 người con chung tên Võ Thùy M (nữ), sinh ngày 28-10-2016, hiện nay chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con và yêu cầu anh V cấp dưỡng theo quy

định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hà Thùy T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18-6-2019, anh Võ Hải V trình bày: Anh V đồng ý ly hôn với chị T; thống nhất giao con chung là Võ Thùy M cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng; quá trình chung sống không có tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hà Thùy T và anh Võ Hải V có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa đúng theo quy định pháp luật nên căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thùy T và anh Võ Hải V tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2017. Tuy chị T và anh V xác lập quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định Luật hôn nhân và gia đình nhưng trong quá trình chung sống, đến thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Tại văn bản ngày 18-6-2019, anh V đồng ý giao Võ Thùy M cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi Thùy M đủ 18 tuổi. Lời trình bày của anh V là phù hợp với yêu cầu của chị T và không trái với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu; anh V phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 53, 81, 82, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Hà Thùy T và anh Võ Hải V là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Giao con chung là Võ Thùy M (nữ), sinh ngày 28-10-2016 cho chị Hà Thùy T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Võ Hải V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Thùy M đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Anh Võ Hải V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Kể từ ngày chị Hà Thùy T có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành xong, anh Võ Hải V phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Tài sản chung và nợ chung: Chị Hà Thùy T và anh Võ Hải V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí: Chị Hà Thùy T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 28 tháng 3 năm 2019, chị T đã dự nộp án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0004292 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Anh Võ Hải V phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chưa nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Hà Thùy T và anh Võ Hải V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Minh Út